

QUY ĐỊNH VỀ LÃI CHẬM THANH TOÁN THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM HIỆN NAY VÀ MỘT SỐ ĐỀ XUẤT

TRỊNH NGỌC THÙY TRANG*

Ngày nhận bài: 03/04/2018

Ngày phản biện: 10/04/2018

Ngày đăng bài: 15/06/2018

Tóm tắt:

Hiện nay, sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế trong nước kết hợp quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng đã và đang thúc đẩy các hoạt động giao dịch, trao đổi và mua bán diễn ra ngày càng nhiều và phức tạp hơn. Mục đích chủ yếu của việc trao đổi mua bán đó là hướng đến lợi nhuận. Do đó, có thể nói vấn đề thanh toán chính là một trong những nội dung cơ bản của hợp đồng. Để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán được thực hiện nghiêm túc thì pháp luật đã đưa ra các quy định được xem như là biện pháp ngăn chặn hành vi vi phạm và khắc phục thiệt hại, trong đó phải nói đến các điều luật về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền hoặc quyền yêu cầu trả lãi do chậm thanh toán. Mặc dù quy định được đặt ra đã mang lại hiệu quả nhất định trong quá trình thực hiện pháp luật nhưng nó cũng đem đến không ít những vướng mắc và bất cập. Bài báo này ra đời nhằm phân tích các quy định về lãi chậm thanh toán theo pháp luật Việt Nam hiện hành và đánh giá thực trạng áp dụng các quy định này vào thực tiễn để chỉ ra các vướng mắc bất cập, từ đó đề xuất các giải pháp kiến nghị, sửa đổi, bổ sung để hoàn thiện pháp luật.

Abstract:

In these days, combination of domestically developing economy and intensively international integration has been stimulating increasingly complicated trade. Its vital purpose is to tend to profit; hence, payment is one of primitive articles in contacts. In order to guarantee fulfillment of payment obligation, the regulation provides liability for delayed payments of civil obligations or right to claim interest on delayed payment, considered to be a method of breach prevention and compensation. Although such terms are well-effective in some cases, they also show limitation including difficulties as well as irrationalities. The findings of this article are to analyze the theories related to interest arising from delayed payments in current laws of Vietnam and to evaluate on-going evolved problems during implementation which lead to make several proposals.

* ThS., Email: tntrng@gmail.com

Từ khóa:

Lãi chậm thanh toán; lãi quá hạn trung bình trên thị trường; lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố; mức lãi chậm thanh toán; nghĩa vụ thanh toán.

Keywords:

Interest arising from late payments; the average interest rate applicable to overdue debts in the market; the basic interest rate announced by the State Bank; the rate of interest arising from late payments; obligation of payments.

1. Quy định về lãi chậm thanh toán theo pháp luật Việt Nam hiện nay

Hầu hết các hợp đồng hiện nay đều có nghĩa vụ thanh toán bằng một khoản tiền. Trong đó, có những trường hợp mà tiền tệ đóng vai trò là mục đích và nội dung chính của hợp đồng (ví dụ: Hợp đồng tín dụng...); nhưng cũng có những trường hợp tiền chỉ là một trong những nội dung của hợp đồng (ví dụ: Nghĩa vụ thanh toán...). Cũng giống như các văn bản pháp lý thương mại quốc tế, chẳng hạn như Bộ Nguyên tắc Unidroit về hợp đồng thương mại quốc tế năm 2010 hay Công ước Viên về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế năm 1980, pháp luật Việt Nam cũng đưa ra quy định về tiền lãi do chậm thanh toán.

Bộ luật Dân sự năm 2005 (BLDS 2005) quy định: “Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”¹. Cho đến nay, BLDS 2005 đã được sửa đổi và thay thế. Vào khoảng thời gian trước khi chính thức ban hành Bộ luật Dân sự năm 2015 (BLDS 2015), đã có rất nhiều ý kiến xoay quanh việc có nên thay đổi mức lãi suất chậm thanh toán hay không và nếu thay đổi thì thay đổi như thế nào cho phù hợp, để có thể khắc phục được những bất cập của quy định cũ. Dự thảo Bộ luật Dân sự (BLDS) sửa đổi do Bộ Tư pháp trình Chính phủ vào tháng 5/2014 vẫn tiếp tục quy định về nghĩa vụ chậm trả nhưng có thay đổi mức lãi chậm trả và đưa ra mức giới hạn trần, cụ thể: “Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá lãi suất mà luật quy định phải tuân thủ, nếu có. Trường hợp thỏa thuận về lãi suất chậm trả có trước thời điểm luật quy định về lãi suất phải tuân thủ thì áp dụng lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không được vi phạm quy định về cấm cho vay nặng lãi”². Tuy nhiên, sự thay đổi này đã vấp phải nhiều ý kiến trái chiều, cụ thể:

- Thứ nhất, có nhiều cách hiểu khác nhau đối với quy định này. Một là, pháp luật cho phép các bên thỏa thuận về mức lãi chậm thanh toán nhưng sự thỏa thuận đó sẽ bị khống chế bởi mức lãi mà luật quy định (nếu có) hoặc bởi quy định về cấm cho vay nặng lãi nếu tại thời điểm thỏa thuận không tồn tại mức lãi mà luật quy định. Hai là, lãi suất chậm trả sẽ căn cứ

¹ Khoản 2 Điều 305.

² Điều 381.

trên mức lãi đã được thỏa thuận, nếu các bên không có thỏa thuận về mức lãi thì không làm phát sinh lãi. Nói cách khác, nếu hiểu theo cách thứ hai thì mặc dù có hành vi chậm thanh toán nhưng sẽ không phát sinh nghĩa vụ trả lãi chậm thanh toán nếu các bên không thỏa thuận mức lãi. Tóm lại, từ “nếu có” ở đây gây ra sự lúng túng khi áp dụng, có thể hiểu theo hai cách là nếu có mức lãi do luật quy định hoặc nếu có sự thỏa thuận về lãi chậm trả. Như vậy, một quy phạm pháp luật tạo ra nhiều cách hiểu sẽ không có tính khả thi cao.

- Thứ hai, mức lãi đưa ra vẫn chưa thực sự cụ thể. Xét ở cách hiểu thứ nhất trong phân tích trên, mức giới hạn là mức luật định hoặc mức vay nặng lãi nếu không có mức luật định. Vậy, việc xem xét mức trần cần phải dẫn chiếu đến một văn bản khác, là một văn bản dưới luật quy định mức lãi hoặc Bộ luật Hình sự. Việc quy định như vậy sẽ gây lúng túng cho quá trình thực hiện pháp luật, các chủ thể hợp đồng gặp khó khăn trong việc thỏa thuận một mức lãi vừa phù hợp với quy định pháp luật vừa cân bằng, đảm bảo quyền lợi của đôi bên.

- Thứ ba, mức lãi tại dự thảo này vẫn chưa lường hết trước được những tình huống có thể xảy ra trên thực tế. Pháp luật không đề cập đến trường hợp các bên không có thỏa thuận trước và có tranh chấp về mức lãi chậm thanh toán. Trong tình huống này thì căn cứ vào đâu để xác định mức lãi. Ở điểm này, bảng dự thảo luật đã tỏ ra yếu kém hơn so với BLDS 2005 vì theo quy định cũ thì kể cả khi các chủ thể không đạt được thỏa thuận thì vẫn áp dụng mức lãi suất do Ngân hàng Nhà nước công bố để tính lãi. Mặc dù mức lãi này được nhận định là thấp nhưng có thể áp dụng vẫn hơn tình trạng “bỏ con giữa chợ”.

Nhận thấy được sự yếu kém của cả BLDS 2005 và Dự thảo BLDS sửa đổi, BLDS 2015 đã có quy định về mức lãi hoàn toàn khác và cụ thể hơn so với hai văn bản trên. Tại Điều 357 và Điều 468 BLDS 2015 cũng đề cập tương tự về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ như BLDS 2005, tuy nhiên, về mức lãi suất thì có sự thay đổi: “Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”³. Tức là, mức lãi sẽ do các bên thỏa thuận nhưng không quá 20%/năm của khoản tiền chậm trả (trừ trường hợp có quy định khác), nếu hai bên không có thỏa thuận thì mức lãi suất bằng một nửa so với lãi suất trần của trường hợp hai bên thỏa thuận được, là 10%/năm của khoản tiền chậm trả. Chính những mức phần trăm rõ ràng trong các trường hợp cụ thể tại quy định này lại là một điểm rất tiến bộ so với BLDS 2005 và Dự thảo BLDS sửa đổi. Bởi vì, với các quy định mới, những đối tượng chịu sự điều chỉnh và các nhà hành pháp dễ dàng xác định được mức lãi cụ thể mà không gây tranh cãi do có quan điểm khác nhau về cách tính. Quy định như vậy sẽ phần nào giải quyết được tình trạng một trường hợp nhưng có nhiều phán quyết khác nhau.

Để hiểu rõ hơn về sự tiến bộ nói trên thì cần phải so sánh giữa Khoản 2 Điều 305 BLDS 2005 và Điều 357 BLDS 2015 ở 2 điểm khác nhau cơ bản, cụ thể:

³ Khoản 2 Điều 357 BLDS 2015.

- Đối với trường hợp có sự thỏa thuận của chủ thể hợp đồng về nghĩa vụ chậm thanh toán, cả hai quy định đều tôn trọng sự thỏa thuận của các bên về mức lãi nhưng BLDS 2015 lại đưa ra mức giới hạn cho sự thỏa thuận là 20%/năm của khoản tiền chậm trả trong khi BLDS 2005 thì không.

- Đối với trường hợp không có sự thỏa thuận, BLDS 2015 đưa ra mức lãi là 10%/năm của khoản tiền chậm trả trong khi BLDS 2005 ghi nhận mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố.

Bên cạnh những quy định của pháp luật dân sự thì pháp luật thương mại cũng đã đề cập đến quy định về mức lãi chậm thanh toán đối với các hợp đồng kinh tế. Trước đây, Pháp lệnh hợp đồng kinh tế chỉ đề cập đến nghĩa vụ chậm trả đối với số tiền phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại⁴. Tuy nhiên, Luật Thương mại năm 1997 (LTM 1997) đã không thừa nhận nghĩa vụ này đối với số tiền phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại nữa mà thay đổi thành nghĩa vụ chậm thanh toán đối với tiền hàng, tiền dịch vụ hay các loại chi phí khác, cụ thể: “Trong trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán phí dịch vụ, các chi phí khác thì bên kia có quyền đòi tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn do Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”⁵. Theo Quyết định số 197/QĐ/NH1 của Ngân hàng Nhà nước có hiệu lực vào ngày 1/7/1997, lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay cùng loại⁶. Kế thừa có chọn lọc LTM 1997, Luật Thương mại 2005 (LTM 2005) cũng có quy định về vấn đề này: “Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”⁷. Sự có chọn lọc ở đây được thể hiện ở việc thay đổi mức lãi chậm thanh toán: từ “lãi suất nợ quá hạn do Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định” trở thành “lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường”. Thiết nghĩ, việc sửa đổi mức lãi theo hướng tăng lên như vậy là hợp lý. Bởi lẽ, vào thời điểm LTM 2005 có hiệu lực, lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố theo Quyết định số 1894/QĐ-NHNN có hiệu lực kể từ ngày 1/1/2006 là 0,6875%/tháng⁸ (tức 8,25%/năm) luôn thấp hơn mức lãi suất cho vay trung bình trên thị trường vì hoạt động cho vay là một trong các hoạt động cơ bản của các tổ chức tín dụng, nhằm duy trì sự tồn tại của các tổ chức đó. Mà quan hệ hợp đồng thương mại là quan hệ chủ yếu hướng đến lợi nhuận, các thương nhân có thể chiếm dụng vốn của nhau để đầu tư kinh doanh và chịu trả tiền lãi chậm thanh toán thay vì thực hiện đúng nghĩa vụ.

⁴ Điều 38.

⁵ Điều 233.

⁶ Điều 1.

⁷ Điều 306.

⁸ Điều 1.

Từ những quy định trên có thể nhận ra các ưu điểm của lãi chậm thanh toán:

- Không cần có thỏa thuận về việc trả lãi.
- Không cần chứng minh thiệt hại.

Hai đặc điểm này cho thấy quy định về lãi chậm trả có lợi hơn cho người bị vi phạm so với chế tài phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại. Bởi vì, đối với chế tài phạt vi phạm, các bên chủ thể bắt buộc phải thỏa thuận trước về việc áp dụng chế tài này khi có vi phạm xảy ra. Đối với chế tài bồi thường thiệt hại, mặc dù không cần phải thỏa thuận trước nhưng bên bị vi phạm cần phải chứng minh được thiệt hại đã xảy ra, mà chứng minh thiệt hại không phải là một vấn đề đơn giản, nó đòi hỏi tốn kém về thời gian và chi phí chẳng hạn như phí giám định. Chính vì những ưu điểm này mà hầu hết các tranh chấp được đưa ra giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn đều yêu cầu tính lãi chậm thanh toán dựa trên số tiền bị vi phạm.

Tóm lại, pháp luật hiện hành quy định có hai loại lãi chậm trả là lãi chậm trả theo thỏa thuận và lãi chậm trả theo quy định của pháp luật. Đối với lãi chậm trả theo thỏa thuận, nó mang bản chất của chế tài phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Bởi vì, trước khi việc chậm thanh toán xảy ra, hai bên chủ thể đã có thỏa thuận trước về việc chịu lãi và mức lãi theo ngày hay tháng. Còn về lãi chậm trả theo quy định của pháp luật, BLDS 2015 và LTM 2005 đưa ra hai mức lãi hoàn toàn khác nhau: do các bên thỏa thuận nhưng không vượt quá 20%/năm của khoản tiền chậm trả, nếu thỏa thuận vượt quá mức giới hạn thì phần vượt quá không được chấp nhận, nếu không có thỏa thuận được thì lãi suất chậm trả bằng 10%/năm của khoản tiền chậm trả⁹ và “theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán”¹⁰. Với sự khác biệt như vậy, cần phải hết sức lưu ý trong việc xác định đâu là quan hệ dân sự và đâu là quan hệ thương mại để áp dụng luật một cách chính xác.

2. Bất cập và vướng mắc trong quá trình áp dụng các quy định về lãi chậm thanh toán theo pháp luật Việt Nam

Hiện nay, mặc dù BLDS 2005 đã được thay thế bằng BLDS 2015 nhưng bài báo này vẫn sẽ phân tích những vướng mắc, bất cập xuyên suốt trong khoảng thời gian từ khi BLDS 2005 có hiệu lực cho đến nay để thấy được BLDS 2015 đã làm được gì và chưa làm được gì. BLDS 2005 đưa ra mức lãi suất chậm trả bằng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm thanh toán cho trường hợp các bên không có thỏa thuận hoặc không có quy định khác như đã nói ở trên là không hợp lý. Bởi vì, mức lãi suất do Ngân hàng Nhà nước công bố chỉ là mức lãi suất có tính định hướng để các tổ chức tín dụng tham khảo ấn định mức lãi suất huy động vốn và lãi suất cho vay. Theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam thì mức lãi suất cơ bản là 9%/năm¹¹ (tức là 0,75%/tháng),

⁹ Điều 468 BLDS 2015.

¹⁰ Điều 306 LTM 2005.

¹¹ Điều 1.

được áp dụng từ ngày 01/12/2010 cho đến nay vẫn chưa thay đổi. Nhưng có những thời điểm ví dụ như vào tháng 9/2011 lãi suất huy động vốn có lúc đã tăng lên đến 18 - 20%/năm. Vì vậy, đối với các hợp đồng dân sự nếu việc chậm trả tiền chỉ dẫn đến nghĩa vụ phải trả lãi theo lãi suất cơ bản thì việc chậm trả tiền đương nhiên là có lợi cho người có nghĩa vụ trả tiền và vô hình chung khuyến khích các chủ thể chiếm dụng vốn của nhau. Với lãi suất chậm trả thấp, thay vì thực hiện nghĩa vụ thanh toán như đã thỏa thuận, các thương nhân có thể dùng khoản tiền đó để gửi tiết kiệm ở các ngân hàng thương mại có lãi suất huy động vốn cao hoặc đầu tư kinh doanh để kiếm lợi nhuận chênh lệch. Tóm lại, BLDS 2005 áp dụng mức lãi suất cơ bản do Nhà nước ban hành như một biện pháp trừng phạt hành vi vi phạm nghĩa vụ thanh toán và phần nào khắc phục hậu quả là chưa đủ sức để răn đe và cần phải tăng mức lãi suất này để đảm bảo quyền lợi cho bên bị vi phạm.

Nhìn nhận được sự bất cập của quy định tại BLDS 2005, BLDS 2015 đã cơ bản khắc phục được những điểm yếu về mức lãi chậm thanh toán thấp được quy định tại BLDS 2005, khắc phục được sự không cụ thể của Dự thảo bằng cách quy định một mức lãi trần cụ thể là 20%/năm của khoản tiền chậm trả và cũng khắc phục được tình huống không có thỏa thuận về lãi suất chậm trả thì áp dụng mức 10%/năm của khoản tiền chậm trả để tính lãi như đã đề cập ở trên. Tuy nhiên, sự sửa đổi đó vẫn chưa thực sự hoàn hảo ở các điểm sau:

- *Thứ nhất*, việc trích dẫn Điều 468 BLDS 2015 quy định về lãi suất đối với hợp đồng vay như là mức lãi chậm trả giới hạn đối với tất cả các loại hợp đồng dân sự là chưa hợp lý. Bởi vì, Điều 468 BLDS 2015 đưa ra các mức lãi dựa trên khoản tiền vay. Điều này chỉ hợp lý trong trường hợp bên vay chậm thanh toán khoản tiền vay trong các hợp đồng vay tài sản nói chung và hợp đồng tín dụng nói riêng nhưng đối với các loại hợp đồng dân sự khác, chẳng hạn như hợp đồng mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ,... thì phải là khoản tiền chậm trả (như tiền hàng, tiền công, tiền ứng trước...) chứ không phải là tiền vay. Mặc dù có thể ngầm hiểu một cách lô-gic, ở quy định này các nhà làm luật đang đề cập đến khoản tiền chậm trả nói chung chứ không chỉ là tiền vay nói riêng nhưng vì là quy định pháp luật nên cần chính xác đến từng câu chữ. Do đó, cần có sự điều chỉnh cho phù hợp.

- *Thứ hai*, Điều 357 BLDS 2015 chỉ tham khảo Điều 468 BLDS 2015 về mức lãi giới hạn và mức lãi khi các bên không có sự thỏa thuận mà không tham khảo trường hợp nếu thỏa thuận của các bên vượt quá mức lãi giới hạn thì phần vượt quá sẽ không được chấp nhận mặc dù Điều 468 có đề cập đến vấn đề này.

- *Thứ ba*, bàn về mức lãi chậm thanh toán 20%/năm của khoản tiền chậm trả, pháp luật nên quy định đây là mức giới hạn hay mức khuyến nghị. Theo tôi, mức lãi này chỉ nên được xem như mức khuyến nghị để các chủ thể tham khảo khi đàm phán hợp đồng. Bởi lẽ, như đã nói ở trên, mức lãi chậm trả thỏa thuận mang tính thần của chế tài phạt vi phạm hợp đồng, các bên đã thỏa thuận trước với nhau về nghĩa vụ và mức lãi suất nếu có hành vi chậm trả xảy ra.

Nếu chúng ta quy định mức lãi trần tức là đang đi lại “vết xe đổ” của mức phạt vi phạm trần 8% phần nghĩa vụ vi phạm đối với các quan hệ hợp đồng thương mại¹² - vấn đề đã gây ra rất nhiều bất cập và vướng mắc trong suốt 10 năm áp dụng kể từ khi LTM 2005 có hiệu lực cho đến nay, chẳng hạn như mức giới hạn này sẽ không còn phù hợp tại một thời điểm nào đó trong tương lai. Hơn nữa, xem 20%/năm của khoản tiền chậm trả là mức khuyến nghị sẽ thấy rõ được yếu tố “thị trường” hơn. Khi nền kinh tế nước ta đã chuyển sang nền kinh tế thị trường thì cần phải thay đổi quan điểm về việc tham dự quá sâu vào các quan hệ pháp luật dân sự, pháp luật nên tôn trọng tuyệt đối quyền thỏa thuận của các chủ thể. Có ý kiến cho rằng, nếu không quy định mức lãi chậm thanh toán giới hạn thì sẽ vấp phải các vấn đề liên quan đến vay nặng lãi. Cần lưu ý, lãi vay và lãi chậm thanh toán là hai vấn đề hoàn toàn khác nhau. Vay nặng lãi đề cập đến mức lãi suất cho vay quá cao so với quy định của pháp luật và chỉ đặt ra trong các hợp đồng vay tài sản nói chung, hợp đồng tín dụng nói riêng; còn lãi chậm thanh toán là hệ quả mà bên vi phạm nghĩa vụ thanh toán phải gánh chịu do đã vi phạm thỏa thuận, được áp dụng cho tất cả các loại hợp đồng dân sự theo nghĩa rộng. Do đó, nên quy định mức lãi chậm thanh toán 20%/năm của khoản tiền chậm trả là mức khuyến nghị thay vì mức giới hạn trần bắt buộc.

Cùng một thời điểm có hiệu lực với BLDS 2005, LTM 2005 cũng có quy định về lãi chậm thanh toán nhưng lại quy định hoàn toàn khác và khó áp dụng hơn so với BLDS 2005, cụ thể: “mức lãi suất chậm thanh toán được tính theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định khác”¹³. Như đã đề cập ở trên, lãi suất nợ quá hạn thường được tính bằng 150% lãi suất cho vay, mà lãi suất cho vay có sự khác nhau rất lớn giữa các ngân hàng Nhà nước và ngân hàng tư nhân ở cùng một thời điểm. Ví dụ: Lãi vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam dao động từ 6,5% - 12,5%/năm tùy từng loại vay, nhưng lãi vay của Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng đối với vay tín chấp là 3.75%/tháng (tức 45%/năm). Do đó, có thể thấy được rằng mức lãi suất cơ bản luôn thấp hơn rất nhiều so với mức lãi suất nợ quá hạn của các tổ chức tín dụng. Việc quy định mức lãi chậm thanh toán đối với các quan hệ thương mại cao hơn so với mức lãi chậm thanh toán đối với quan hệ dân sự là hợp lý; bởi lẽ, mục đích chủ yếu của các hợp đồng kinh tế là lợi nhuận và thông thường thì giá trị các hợp đồng lớn nên mức lãi phải đủ sức để ngăn chặn sự cố tình chây ỳ, chiếm dụng vốn của nhau. Tuy nhiên, cách quy định mức lãi chậm thanh toán như LTM 2005 đã dẫn đến nhiều bất cập và vướng mắc trong quá trình áp dụng vào thực tiễn. Mặc dù luật đưa ra mức lãi chậm thanh toán là lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường nhưng lại không hướng dẫn cụ thể cách tính. Nhiều quan điểm cho là phải lấy số liệu của tất cả các ngân hàng thương mại trên thị trường hoặc chỉ một số ngân hàng trong khu vực nơi xảy ra tranh chấp để tính lãi nhưng ý kiến khác

¹² Điều 301 LTM 2005.

¹³ Điều 306 LTM 2005.

lại đề xuất cần tính lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường liên ngân hàng để đảm bảo tính khách quan và tính cân bằng vì sự phân bố ngân hàng ở các vùng miền là khác nhau. Hiện nay, ngoài Án lệ số 09¹⁴ (AL 09) thì vẫn chưa có bất cứ văn bản nào hướng dẫn cụ thể cách xác định mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường.

Trên thực tế, khi chưa có AL 09, để xác định lãi suất nợ quá hạn trung bình khi giải quyết tranh chấp, mỗi Tòa án đã có những yêu cầu rất khác nhau và đưa ra những quyết định không giống nhau cho cùng một vấn đề. Có nhiều trường hợp Tòa án áp dụng mức lãi suất cho vay của ngân hàng đối với khách hàng hoặc lãi suất cho vay liên ngân hàng hoặc lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố hoặc lãi suất trung bình của các ngân hàng thương mại để tính lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường khi xét xử. Đôi khi, Tòa án còn viện dẫn cả BLDS 2005 và LTM 2005 về tiền lãi chậm thanh toán nhưng cuối cùng lại áp dụng các quy định của BLDS thay cho LTM. Đơn cử như các ví dụ sau:

Ví dụ 1: Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 19/2012/KDTM-ST ngày 24/09/2012 của TAND quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” giữa nguyên đơn là Công ty TNHH MTV Tý Tuyết và bị đơn là Công ty TNHH Mỹ Nam Hưng. Tóm tắt vụ việc như sau: ngày 7/3/2012, hai bên có giao kết hợp đồng mua bán thịt gà, thị heo, cá nục. Bên nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo hợp đồng. Tuy nhiên, tính đến ngày 25/4/2012 bên bị đơn còn nợ bên nguyên đơn số tiền hàng là 329.360.290 đồng. Bên nguyên đơn đã khởi kiện tại Tòa án yêu cầu bên bị đơn trả nợ và tiền lãi trên số tiền chậm thanh toán từ ngày 25/4/2012 đến ngày 24/9/2012 theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố là 9%/năm. Qua quá trình xét xử, Thẩm phán quyết định: “... Đối với yêu cầu buộc thanh toán tiền nợ và lãi do chậm thanh toán từ ngày 25/4/2012 đến 24/9/2012 theo mức lãi suất cơ bản Ngân hàng Nhà nước công bố là 9%/năm phù hợp với Điều 306 LTM 2005 nên chấp nhận”¹⁵. Mặc dù đây là vụ án kinh doanh thương mại nhưng khi áp dụng luật cho việc tính lãi do chậm thanh toán này, cách tính lãi theo Khoản 2 Điều 305 BLDS 2005 vẫn được ưu tiên áp dụng, thay vì tính theo quy định tại Điều 306 LTM 2005.

Ví dụ 2: Quyết định giám đốc thẩm số 03/2009/KDTM-GĐT ngày 09/4/2009 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa giữa nguyên đơn là Công ty TNHH Thương mại Đại Nam và bị đơn là Doanh nghiệp tư nhân Nguyệt Phương có nêu rằng: “Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ các Điều 428, 438 và 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 để buộc Doanh nghiệp tư nhân Nguyệt Phương phải chịu lãi suất nợ quá hạn do Ngân hàng Nhà nước công bố và không phải chịu phạt vi phạm hợp đồng là không đúng pháp luật và không đúng với thoả thuận không trái pháp luật của đương sự”¹⁶.

Được biết mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường (theo Điều 306 LTM 2005)

¹⁴ Được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016.

¹⁵ Trích đoạn 3 phần “XÉT THẤY”.

¹⁶ Trích đoạn 6 mục 3 Phần “XÉT THẤY”.

và mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố (theo Khoản 2 Điều 305 BLDS 2005) tại thời điểm thanh toán là không giống nhau. Vậy phải chăng Điều 306 LTM có quy định về việc tính lãi chậm thanh toán nhưng không có văn bản hướng dẫn cụ thể đã vô hình chung làm cho các Thẩm phán phải bỏ qua việc ưu tiên áp dụng luật chuyên ngành để áp dụng luật chung trong vụ tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa nói trên. Nếu vào một thời điểm nào đó, mức chênh lệch giữa hai mức lãi suất này lớn sẽ gây ra những bất công cho một trong hai bên đương sự.

Mặc dù AL 09 đã có đề cập: “Tiền lãi do chậm thanh toán được tính theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường bằng mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của ít nhất ba ngân hàng tại địa phương tại thời điểm thanh toán (xét xử sơ thẩm), trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”¹⁷ nhưng vẫn không có hướng dẫn chi tiết các ngân hàng này là ngân hàng bất kỳ hay chỉ được chọn trong danh sách các ngân hàng thương mại Nhà nước. Hơn nữa, AL không đưa ra mức giới hạn số ngân hàng, nên việc tính lãi dựa trên ba ngân hàng hoặc nhiều hơn sẽ không có sự đồng nhất. Nếu mức tiền chậm thanh toán lớn thì rõ ràng mức tiền phải trả vì vi phạm nghĩa vụ sẽ chênh lệch rất lớn, tạo ra sự không công bằng và ảnh hưởng đến quyền lợi của các thương nhân. Ngoài ra, AL 09 cũng đã giới hạn về mặt địa lý là “ngân hàng tại địa phương” nhưng lại không nói rõ địa phương được tính trong giới hạn của quận huyện hay tỉnh và địa phương này là nơi có trụ sở của bị đơn, nơi có trụ sở của nguyên đơn, nơi thực hiện hợp đồng hay nơi hành vi vi phạm phát sinh. Từ đây có thể thấy, mặc dù các nhà làm luật đã nhận ra được sự bất cập của pháp luật và đã dần khắc phục sự bất cập đó thông qua án lệ nhưng thực chất hướng dẫn tại AL 09 vẫn nửa vời và chưa giải quyết triệt để các vấn đề vướng mắc.

3. Các đề xuất hoàn thiện quy định về lãi chậm thanh toán

Từ những phân tích ở trên thì pháp luật cần phải có những thay đổi nhất định. Do đó, một vài đề xuất dưới đây sẽ góp phần hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng, giải quyết các vướng mắc và bất cập liên quan đến nghĩa vụ chậm thực hiện trả tiền.

Về quy định tại Điều 357 BLDS 2015, các nhà làm luật đã có sự thay đổi quan điểm tích cực và đưa ra được một quy định mới rất tiến bộ đối với mức lãi chậm trả sau một thập kỷ áp dụng BLDS 2005 và LTM 2005. Khi áp dụng vào thực tế có thể dễ dàng xác định được mức lãi chậm trả và không làm mất đi sự khách quan khi giải quyết tranh chấp, nhất là trường hợp các bên không thỏa thuận được về mức lãi chậm thanh toán. Nhưng để quy định được hoàn thiện hơn, pháp luật cần được sửa đổi, bổ sung để điều luật cần chính xác hơn bằng cách quy định mức lãi suất chậm trả ngay tại Khoản 2 Điều 357 BLDS 2015 thay vì trích dẫn Điều 468. Ngoài ra, cần sửa đổi mức lãi giới hạn trần 20%/năm của khoản tiền chậm trả thành mức khuyến nghị hoặc thậm chí có thể bỏ mức lãi giới hạn này để tránh các vấn đề vướng mắc bất

¹⁷ Mục “Giải pháp pháp lý 1”.

cập tương tự như trường hợp chế tài phạt vi phạm trong thương mại khi áp dụng vào thực tiễn cũng như thể hiện sự tôn trọng quyền thỏa thuận của các chủ thể, cụ thể: “Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên và mức khuyến nghị cho các bên là 20% của khoản tiền chậm trả; nếu các bên thỏa thuận mức lãi chậm thanh toán vượt quá mức khuyến nghị thì phần vượt quá được chấp nhận; nếu không có thỏa thuận thì lãi được xác định bằng 10% của khoản tiền chậm trả.”

Về quy định tại Điều 306 LTM 2005, pháp luật cần quy định rõ hơn về tiền lãi do chậm thanh toán. Cần có văn bản hướng dẫn cụ thể AL 09 về cách tính “lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán”, nêu cụ thể và chính xác bao nhiêu ngân hàng được chọn để tính lãi suất nợ quá hạn và các ngân hàng này là ngân hàng thương mại nhà nước hay ngân hàng thương mại tư nhân hay cả hai đều được... Theo tôi, nên hướng dẫn AL 09 như sau: “Tiền lãi do chậm thanh toán được tính theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường bằng mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác” nhằm thống nhất hướng xét xử cho Tòa án nhân dân và Tòa án quân sự các cấp. Quy định như vậy cũng giải quyết được sự lúng túng về giới hạn “ngân hàng tại địa phương” vì mức lãi suất quá hạn của ba ngân hàng thương mại Nhà nước này được thống nhất trên toàn quốc và các ngân hàng này có mạng lưới hoạt động trải khắp cả nước. Hoặc tốt hơn thì pháp luật thương mại nên sửa đổi theo hướng BLDS 2015, tức là quy định một mức phần trăm cụ thể dựa trên khoản tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả khi không có thỏa thuận hoặc các bên không đạt được thỏa thuận về mức lãi chậm thanh toán. Hướng hoàn thiện này vẫn tôn trọng tuyệt đối sự thỏa thuận của các đương sự và cũng đề phòng trường hợp các bên có tranh chấp về mức lãi suất thì lãi suất được tính dựa theo quy định pháp luật. Quy định này sẽ giúp rút ngắn thời gian tranh chấp đồng thời đảm bảo được tính khách quan và cân bằng lợi ích trong quá trình xét xử.

4. Kết luận

Xu hướng phát triển kinh tế ngày càng phức tạp với số lượng hoạt động trao đổi, mua bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ tăng nhanh nên đòi hỏi pháp luật phải được hoàn thiện hơn nữa và mang tính thực tiễn cao để có thể bảo vệ quyền lợi, lợi ích hợp pháp cho các chủ thể tham gia vào quan hệ pháp luật hợp đồng. Mặc dù BLDS 2015 đã phần nào khắc phục được những bất cập của BLDS 2005 về nghĩa vụ chịu lãi do chậm thanh toán nhưng vẫn còn bộc lộ một số yếu kém cần điều chỉnh. Cấp thiết hơn là việc sửa đổi, bổ sung quy định về nghĩa vụ này tại LTM 2005 cho phù hợp với tinh thần chung mà BLDS 2015 đã đề ra và thực tiễn áp dụng, nhất là trong giai đoạn Bộ Công Thương đang kiến nghị Chính Phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét sửa đổi LTM 2005 như hiện nay. Chính vì vậy, các nhà làm luật cần phải tham khảo, lựa chọn và chất lọc những ý kiến đóng góp từ những chuyên gia nhằm hoàn thiện pháp luật về lãi chậm thanh toán.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo Tuổi trẻ, *Lãi suất huy động còn 14%/năm*, <https://tuoitre.vn/lai-suot-huy-dong-con-14nam-455065.htm>, truy cập ngày 15/11/2017.
2. Báo Người lao động, *Cẩn thận khi vay tiêu dùng*, <http://nld.com.vn/kinh-te/can-than-khi-vay-tieu-dung-20150502213606836.htm>, truy cập ngày 15/11/2017.
3. Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao (2009), Quyết định giám đốc thẩm số 03/2009/KDTM-GĐT ngày 09/4/2009 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.
4. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, <http://www.agribank.com.vn>, truy cập ngày 15/11/2015;
5. Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (2012), Bản án sơ thẩm số 19/2012/KDTM-ST ngày 24/09/2012 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”;